

Số: 33/2021/QĐST-HNGĐ

YK, ngày 14 tháng 05 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T sinh năm 1994; địa chỉ xóm 10, thôn Đ, xã C, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Phạm Văn N sinh năm 1993; địa chỉ xóm 10, thôn Đ, xã C, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 05 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc Tận tình ly hôn và thỏa Tận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/05/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự Tận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn N

2. Công nhận sự thỏa Tận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Chị T và anh N cùng trình bày, vợ chồng có 01 con là cháu Phạm Huy H sinh ngày 29/08/2018; chị T và anh N thỏa Tận giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T, chị T cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu H.

Anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu H được sống chung với chị T và anh N có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu H; chị T không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc cháu H.

Về tài sản: Chị T và anh N đều trình bày, vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí: Chị T và anh N thỏa Tận chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005425 ngày 23/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã C
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực